

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

___o0o___

Số: 07.1.1 /HĐ-TĐNCS

Cẩm Phả, ngày 03 tháng 7 năm 2026

HỢP ĐỒNG SOÁT XÉT VÀ KIỂM TOÁN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Về việc Soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV

- Căn cứ vào Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số 36/2005/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 06 năm 2005 và được sửa đổi, bổ sung tại văn bản hợp nhất Luật Thương mại số 113/VBHN-VPQH ngày 27 tháng 08 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội;
- Căn cứ vào Luật Kiểm toán độc lập số 67/2011/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XII, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 29 tháng 03 năm 2011 và được sửa đổi, bổ sung tại văn bản hợp nhất Luật kiểm toán độc lập số 17/VBHN-VPQH ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Văn phòng Quốc hội;
- Căn cứ Nghị định 17/2012/NĐ - CP ngày 13/3/2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật kiểm toán độc lập và Nghị định số 95/2025/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 17/2012/NĐ-CP;
- Căn cứ Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 210 về Hợp đồng kiểm toán và Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện;
- Căn cứ Biên bản thương thảo hợp đồng giữa Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV và Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ngày 25/6/2026.
- Căn cứ Quyết định số 46.46 /QĐ-TĐNCS ngày 26.6 /2026 V/v phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp dịch vụ Soát xét Báo cáo tài chính 06 tháng năm 2026 và kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026 của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV được giám đốc Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV phê duyệt.

Hôm nay, ngày 03 tháng 7 năm 2026, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV, chúng tôi gồm: 

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN THAN ĐÈO NAI - CỘC SÁU - TKV

Người đại diện : **Đặng Thanh Bình**

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 42 phố Kim Đồng - Phường Cẩm Phả - Tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại/ 02033 862366, 02033 864251/ 02033

Fax/ Email : 863942/deonaicocsau@gmail.com

Tài khoản số : 6826.250.99999

Tại Ngân hàng : Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Cẩm Phả

Mã số thuế : 5702 162 138

BÊN B: CÔNG TY TNHH HĂNG KIỂM TOÁN AASC

Người đại diện : **Nguyễn Thanh Tùng**

Chức vụ : Tổng Giám đốc

Địa chỉ : Số 01 Lê Phụng Hiểu, phường Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

Số điện thoại : 02438241990

Tài khoản số : 0011001415059

Tại Ngân hàng : Tại Sở giao dịch ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

Mã số thuế : 0100111105

Sau khi thỏa thuận, hai bên nhất trí ký kết hợp đồng kinh tế với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

Bên B đồng ý cung cấp cho Bên A các dịch vụ sau:

1. Dịch vụ soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026. Dịch vụ soát xét được thực hiện với mục tiêu đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính của Bên A và Dịch vụ kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026. Dịch vụ kiểm toán được thực hiện với mục tiêu đưa ra ý kiến kiểm toán về Báo cáo tài chính của Bên A.

Các báo cáo được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

2. Thực hiện kiểm tra các thông tin và số liệu trình bày trên các phụ biểu thuyết minh Báo cáo tài chính sau kiểm toán độc lập theo quy định của TKV (Mẫu báo cáo kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/2/2017) 

3. Xác nhận số liệu báo cáo tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2026 của hệ thống báo cáo quản trị lập theo quy định của TKV (mẫu báo cáo kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017), trong đó có các mẫu biểu báo cáo giá thành sản phẩm than.

4. Tham gia chứng kiến kiểm kê tiền mặt, tài sản cố định, số lượng, chất lượng vật tư, sản phẩm tồn kho, dở dang và các khoản công nợ, vốn, ... tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2026 theo Kế hoạch kiểm kê của Công ty Cổ phần Than Đèo Nai - Cọc Sáu - TKV.

ĐIỀU 2: THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC ủy quyền cho Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Quảng Ninh thực hiện các nội dung công việc tại Hợp đồng này (Theo Giấy ủy quyền số: 020126.021/UQ.TH ngày 02/01/2026 của Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC). Thông tin của Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Quảng Ninh như sau:

Chi nhánh Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC tại Quảng Ninh

Người đại diện : **Nguyễn Thị Hải Hương**

Chức vụ : Giám đốc

Địa chỉ : Số 08 phố Chu Văn An, phường Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh

Số điện thoại : 02033.627.571

Tài khoản số : 114000037420

Tại Ngân hàng : Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Ninh

Mã số thuế : 0100111105-007

ĐIỀU 3: THÀNH PHẦN HỢP ĐỒNG

Thành phần hợp đồng và thứ tự ưu tiên pháp lý khi xảy ra tranh chấp như sau:

- Văn bản hợp đồng này;
- Biên bản thương thảo hợp đồng;
- Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp;
- Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

ĐIỀU 4: TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A VÀ BÊN B

4.1. Trách nhiệm của bên A:

Cuộc kiểm toán và soát xét của bên B sẽ được thực hiện trên cơ sở Ban giám đốc và HĐQT của bên A (trong phạm vi phù hợp) hiểu và thừa nhận có trách nhiệm: 

a. Đối với việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến lập và trình bày báo cáo tài chính được áp dụng;

b. Đối với kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;

c. Đảm bảo cung cấp kịp thời, đầy đủ cho Bên B:

* Các thông tin cần thiết có liên quan đến cuộc kiểm toán và soát xét bao gồm chứng từ, sổ kế toán, báo cáo tài chính và các tài liệu liên quan khác;

* Quyền tiếp cận với tất cả các tài liệu, thông tin mà ban Giám đốc nhận thấy là có liên quan đến quá trình lập và trình bày báo cáo tài chính như chứng từ kế toán, sổ kế toán, tài liệu và các vấn đề khác;

* Các thông tin bổ sung mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán yêu cầu Ban Giám đốc cung cấp hoặc giải trình để phục vụ cho mục đích của cuộc kiểm toán;

* Quyền tiếp cận không hạn chế đối với nhân sự của Bên A mà kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán xác định là cần thiết để thu thập bằng chứng kiểm toán. Bố trí nhân sự liên quan cùng làm việc với bên B trong quá trình kiểm toán.

- Ban Giám đốc và Hội đồng quản trị của bên A của Công ty (trong phạm vi phù hợp) có trách nhiệm cung cấp và xác nhận bằng văn bản về các giải trình đã cung cấp trong quá trình kiểm toán vào “Thư giải trình” của Ban giám đốc và Hội đồng quản trị, một trong những yêu cầu của chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, trong đó nêu rõ trách nhiệm của Ban Giám đốc trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính và khẳng định rằng ảnh hưởng của từng sai sót, cũng như tổng hợp các sai sót không được điều chỉnh do bên B phát hiện và tổng hợp trong quá trình kiểm toán cho kỳ hiện tại và các sai sót liên quan đến các kỳ trước là không trọng yếu đối với tổng thể báo cáo tài chính.

- Bên A có trách nhiệm thông báo cho bên B Kế hoạch kiểm kê tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2026 ngay sau khi có kế hoạch được phê duyệt và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho bên B trong quá trình tham gia chứng kiến kiểm kê nhằm mục đích cho kiểm toán viên thu thập đầy đủ bằng chứng và các thông tin liên quan về sự hiện hữu của các khoản mục tài sản trên Báo cáo tài chính của Bên A và các đơn vị được kiểm toán.

- Đảm bảo tạo các điều kiện cần thiết để công việc kiểm toán của bên B không bị giới hạn về phạm vi cũng như thống nhất các điểm điều chỉnh trọng yếu do kiểm toán viên đề xuất mà những giới hạn hoặc những điều chỉnh này có thể dẫn đến những ý kiến hạn chế của kiểm toán viên.

+ Đưa ý kiến kiểm toán rõ ràng và nêu rõ các nội dung cần lưu ý đối với kiểm toán viên của Công ty;

- Thanh toán phí kiểm toán cho Bên B đầy đủ và đúng thời hạn theo đúng Điều 8 của hợp đồng này.

4.2. Trách nhiệm của bên B:

Trách nhiệm của bên B với công việc kiểm toán:

Bên B sẽ thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam, pháp luật và các quy định có liên quan. Các chuẩn mực kiểm toán này quy định bên B phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán và soát xét để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính, xét trên phương diện tổng thể, có còn sai sót trọng yếu hay không. Trong cuộc kiểm toán, bên B sẽ thực hiện các thủ tục để thu thập bằng chứng kiểm toán về số liệu và thông tin trình bày trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được thực hiện tùy thuộc vào đánh giá của kiểm toán viên, bao gồm việc đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc do nhầm lẫn. Cuộc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá sự phù hợp của các chính sách kế toán đã được sử dụng và các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá cách trình bày tổng quát của báo cáo tài chính. Các nội dung tập trung chủ yếu như sau:

- Kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2026;
- Tham gia chứng kiểm kê tiền mặt; tài sản cố định; hàng tồn kho, sản phẩm dở dang và các khoản nợ, tiền, vốn...tại thời điểm kết thúc ngày 31/12/2026;
- Phối hợp cung cấp tài liệu và trả lời các câu hỏi theo nguyên tắc của Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 600;
- Kiểm tra, soát xét và xác nhận số liệu trong các biểu báo cáo phục vụ việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 2026 và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026 của toàn Tập đoàn;
- Xác nhận số liệu báo cáo của hệ thống Báo cáo quản trị TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017, biểu mẫu số 07/TKV- Báo cáo giá thành tiêu thụ sản phẩm theo Công văn số 518/TKV-KT-KS-KH ngày 09/02/2017 và Quyết định sửa đổi nội dung thay thế (nếu có)).

Do những hạn chế vốn có của kiểm toán cũng như của kiểm soát nội bộ, có rủi ro khó tránh khỏi là kiểm toán viên có thể không phát hiện được các sai sót trọng yếu, mặc dù cuộc kiểm toán và soát xét đã được lập kế hoạch và thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

Trách nhiệm của bên B với công việc soát xét:

Bên B sẽ thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện với mục đích tạo cơ sở để Bên B báo cáo xem liệu Bên B có nhận thấy vấn đề gì khiến Bên B cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đã không được lập và trình bày, trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ hay không.

Công việc soát xét của Bên B bao gồm các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là đối với những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính, kế toán, và áp dụng các thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác và thông thường không bao gồm việc chứng thực các thông tin thu thập được. Phạm vi công việc soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ về cơ bản hẹp hơn phạm vi của một cuộc kiểm toán báo cáo tài chính được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam nhằm đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính. Do đó, Bên B không đưa ra ý kiến kiểm toán về báo cáo tài chính giữa niên độ được soát xét.

Dịch vụ soát xét thông tin tài chính giữa niên độ không nhằm cung cấp sự đảm bảo rằng Bên B sẽ có thể nhận biết được toàn bộ các vấn đề trọng yếu chỉ có thể xác định được bằng một cuộc kiểm toán. Ngoài ra, công việc soát xét của bên B không được xem là căn cứ nhằm phát hiện các gian lận, nhầm lẫn hay các hành vi vi phạm pháp luật. Tuy nhiên, Bên B sẽ thông báo cho Bên A về bất kỳ vấn đề trọng yếu nào mà Bên B phát hiện được.

Trách nhiệm chung của bên B với công việc kiểm toán và soát xét:

Bên B thực hiện công việc kiểm toán và soát xét theo nguyên tắc độc lập, khách quan và bảo mật số liệu. Theo đó bên B không được quyền tiết lộ cho bất kỳ một bên thứ ba nào mà không có sự đồng ý của bên A, ngoại trừ theo yêu cầu của pháp luật và các quy định có liên quan, hoặc trong trường hợp những thông tin như trên đã được các cơ quan quản lý Nhà nước phổ biến rộng rãi hoặc đã được bên A công bố.

Bên B có trách nhiệm yêu cầu bên A xác nhận bằng văn bản các giải trình đã cung cấp cho bên B trong quá trình thực hiện kiểm toán và soát xét. Theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, thì việc đáp ứng các yêu cầu này và Thư giải trình của Ban Giám đốc và Ban quản trị bên A về những vấn đề liên quan là một trong những cơ sở để bên B đưa ra ý kiến hoặc kết luận của mình về báo cáo tài chính của bên A.

Để đánh giá rủi ro, bên B sẽ xem xét kiểm soát nội bộ mà bên A sử dụng trong quá trình lập báo cáo tài chính để thiết kế các thủ tục kiểm toán và soát xét phù hợp trong từng trường hợp, nhưng không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hữu hiệu của kiểm soát nội bộ của bên A. Tuy nhiên, bên B sẽ thông báo tới bên A bằng văn bản về những khiếm khuyết trọng yếu trong kiểm soát nội bộ mà bên B phát hiện được trong quá trình kiểm toán và soát xét báo cáo tài chính.

Bên B có trách nhiệm thông báo cho bên A về nội dung và kế hoạch kiểm toán và soát xét, cử kiểm toán viên và các trợ lý có năng lực và kinh nghiệm thực hiện kiểm toán và soát xét.

Trước đợt kiểm toán, Bên B cung cấp cho Bên A danh sách nhân sự và kế hoạch bố trí nhân sự thực hiện để Bên A theo dõi và phối hợp làm việc. Trường hợp nhân sự của Bên B không thực hiện tốt công việc hoặc thực tế không đúng với lý lịch đã khai thì Bên A có văn bản yêu cầu thay thế đối với nhân sự đó. Bên A sẽ không cung cấp hồ sơ, tài liệu và làm việc với chuyên gia không có tên trong danh sách nhân sự của Bên B.

- Cử nhân sự tham gia chứng kiến công tác kiểm kê của bên A; và ký xác nhận trên báo cáo/tài liệu kiểm kê đã tham gia chứng kiến.

- Trường hợp Bên B không phát hiện được những sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính của bên A do không thực hiện đầy đủ thủ tục kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam hoặc do hạn chế về năng lực của chuyên gia tư vấn, Bên B phải bồi thường cho Bên A thiệt hại phát sinh, mức bồi thường không vượt quá giá trị Hợp đồng này.

- Bên B có trách nhiệm phối hợp cùng Bên A giải trình số liệu và thông tin trình bày trên Báo cáo tài chính được kiểm toán với cơ quan nhà nước có thẩm

quyền khi có yêu cầu của Bên A.

ĐIỀU 5: CÁC BÁO CÁO VÀ BÁO CÁO SOÁT XÉT

Báo cáo soát xét báo cáo tài chính:

Sau khi kết thúc công tác soát xét, bên B sẽ phát hành 10 bộ Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Việt và 06 bộ Báo cáo soát xét kèm theo báo cáo tài chính đã được soát xét bằng tiếng Anh. Bên A giữ 08 (tám) bộ báo cáo bằng tiếng Việt và 04 bộ báo cáo bằng tiếng Anh, bên B lưu 02 (hai) bộ mỗi loại).

Báo cáo soát xét sẽ được lập bằng văn bản, gồm các nội dung theo quy định của Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện, pháp luật và quy định có liên quan.

Trong trường hợp Bên A dự định phát hành báo cáo soát xét của Bên B dưới bất kỳ dạng tài liệu nào, hoặc phát hành các tài liệu trong đó có các thông tin về báo cáo tài chính đã được soát xét, Ban Giám đốc Bên A đồng ý rằng họ sẽ đính kèm báo cáo soát xét với tài liệu đó và chỉ phổ biến rộng rãi các tài liệu này sau khi có sự đồng ý của Bên B bằng văn bản.

Báo cáo kiểm toán:

Sau khi kết thúc kiểm toán, bên B sẽ phát hành:

- 10 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Việt và 06 bộ Báo cáo kiểm toán kèm theo báo cáo tài chính đã được kiểm toán bằng tiếng Anh. Bên A giữ 08 (tám) bộ báo cáo bằng tiếng Việt và 04 bộ báo cáo bằng tiếng Anh, bên B lưu 02 (hai) bộ mỗi loại).

- Thư quản lý bằng tiếng Việt đề cập đến các thiếu sót cần khắc phục và các đề xuất của kiểm toán viên nhằm hoàn thiện hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ của bên A. Thư quản lý được phát hành đồng thời với báo cáo kiểm toán và được lập thành 06 (sáu) bộ bằng tiếng Việt. Bên A giữ 04 (hai) bộ, bên B giữ 02 (hai) bộ.

- Thư xác nhận số liệu báo cáo của hệ thống Báo cáo quản trị TKV (mẫu báo cáo ban hành kèm theo Quyết định số 56/QĐ-TKV ngày 16/01/2017, biểu mẫu số 07/TKV- Báo cáo giá thành tiêu thụ sản phẩm theo Công văn số 518/TKV-KT-KS-KH ngày 09/02/2017 và Quyết định sửa đổi nội dung thay thế (nếu có)). Các Thư xác nhận số liệu báo cáo của hệ thống báo cáo quản trị được lập thành 06 (sáu) bộ bằng tiếng Việt, bên A giữ 04 (bốn) bộ, bên B giữ 02 (hai) bộ.

ĐIỀU 6: THỜI HẠN PHÁT HÀNH BÁO CÁO

Các báo cáo sẽ được phát hành trong thời gian nhanh nhất theo đúng kế hoạch kiểm toán, cụ thể như sau:

- Báo cáo soát xét về Báo cáo tài chính cho kỳ tài chính kết thúc vào ngày 30/06/2026 được phát hành chậm nhất là ngày 15/08/2026

- Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2026, Thư quản lý và Thư xác nhận số liệu các báo cáo quản trị cho năm 2026 được phát hành chậm nhất ngày 20/03/2027.

Trường hợp có những phát sinh ngoài dự kiến hai bên sẽ cùng bàn bạc trao đổi để có thể phát hành báo cáo càng sớm càng tốt. 

ĐIỀU 7: THUỞNG PHẠT KHI VI PHẠM HỢP ĐỒNG.

- Nếu bên B không đảm bảo đúng tiến độ của hợp đồng, không thực hiện đúng các nội dung như đã cam kết mà không có lý do chính đáng sẽ chịu phạt chậm tiến độ mỗi ngày 01% giá trị hợp đồng, tối đa không quá 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 8: PHÍ DỊCH VỤ VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

Phí dịch vụ: 288.360.000 đồng

Đơn vị tính: Đồng

Nội dung dịch vụ	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT 8%	Giá trị sau thuế
Soát xét Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026	108.000.000	8.640.000	116.640.000
Kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2026	159.000.000	12.720.000	171.720.000
Tổng cộng	267.000.000	21.360.000	288.360.000

(Bằng chữ: Hai trăm tám mươi tám triệu, ba trăm sáu mươi nghìn đồng)

Phí dịch vụ đã bao gồm chi phí đi lại, ăn ở và phụ khí khác.

Trường hợp khi thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng, Nhà nước có thay đổi về thuế suất GTGT hai bên sẽ thanh toán, quyết toán, thanh lý hợp đồng theo đúng quy định của nhà nước tại thời điểm thanh toán.

Hình thức hợp đồng: Trọn gói

Phương thức thanh toán:

- Đợt 1: Thanh toán 116.640.000 đồng trong vòng 45 ngày sau khi Bên B hoàn thành, bàn giao đầy đủ sản phẩm soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2026 và Bên A nhận được hồ sơ thanh toán gồm: báo cáo soát xét BCTC 06 tháng đầu năm 2026, biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, hóa đơn GTGT, đề nghị thanh toán và các chứng từ khác liên quan (nếu có).

- Đợt 2: Thanh toán 171.720.000 đồng trong vòng 45 ngày sau khi Bên B hoàn thành dịch vụ, bàn giao đầy đủ sản phẩm kiểm toán BCTC năm 2026 và Bên A nhận được hồ sơ thanh toán gồm: báo cáo kiểm toán BCTC năm 2026, biên bản nghiệm thu hoàn thành công việc, hóa đơn GTGT, đề nghị thanh toán và các chứng từ khác liên quan (nếu có).

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

9.1. Sử dụng tài liệu và thông tin

Hồ sơ tài liệu Bên A cung cấp cho bên B trong quá trình bên B thực hiện theo nội dung hợp đồng này là tài sản của bên A. Bên B không được lợi dụng bất cứ thông tin, tài liệu nào trong Hồ sơ tài liệu bên A cung cấp vào mục đích khác ngoài mục đích thực hiện Hợp đồng nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

9.2. Chuyển nhượng Hợp đồng

Hợp đồng này không được phép chuyển nhượng trừ khi được sự chấp thuận của Bên A. 

ĐIỀU 10: ĐIỀU KHOẢN CAM KẾT

Hai bên cam kết thực hiện tất cả các điều khoản đã ghi trong hợp đồng. Trong quá trình thực hiện, nếu có gặp khó khăn, cản trở tới việc thực hiện dịch vụ kiểm toán, hai bên phải kịp thời thông báo cho nhau và trao đổi tìm biện pháp giải quyết thích hợp trên tinh thần hợp tác, tôn trọng quyền lợi của nhau.

ĐIỀU 11: HIỆU LỰC, THỜI HẠN VÀ NGÔN NGỮ CỦA HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày có đủ chữ ký của hai bên A và B.

Hợp đồng này đảm bảo giá trị cho đến khi thanh lý hợp đồng hay một trong hai bên hủy bỏ hợp đồng do bên kia không thực hiện đúng những cam kết ghi trong hợp đồng.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu có bất đồng ý kiến mà thương lượng không có kết quả, vụ việc sẽ được tòa án Nhân dân có thẩm quyền giải quyết theo luật định, Bên có lỗi sẽ chịu mọi chi phí. Trong thời gian chờ phán quyết của tòa án, các bên vẫn phải thực hiện đúng các điều đã cam kết trong hợp đồng.

Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, bên A giữ 03 (ba) bản, bên B giữ 01 (một) bản.

Hợp đồng này tự động được thanh lý sau khi bên A và bên B đã hoàn thành trách nhiệm của mỗi bên./.

Đại diện bên A



Đặng Thanh Bình

Đại diện bên B

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Thanh Tùng

